

Số: 04/2023/QĐST-DS

K, ngày 22 tháng 6 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào điều 212, 213 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 14 tháng 6 năm 2023 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 65/2023/TLST-DS ngày 10 tháng 4 năm 2023 về việc tranh chấp Hợp đồng vay tài sản.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án ngày 14 tháng 6 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập Biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông N T K, sinh năm 1960

Địa chỉ: khu T, xã T, huyện K, tỉnh T

- **Bị đơn:** Ông Đ C K, sinh năm 1965

Địa chỉ: khu T, xã D, huyện K, tỉnh T

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:**

+ Bà N T G, sinh năm 1960

Địa chỉ: khu T, xã T, huyện K, tỉnh T

Người đại diện theo uỷ quyền của bà G: Ông N T K, sinh năm 1969

Địa chỉ: khu T, xã T, huyện K, tỉnh T (chồng bà G);

+ Bà N T H, sinh năm 1968

Địa chỉ: khu T, xã D, huyện K, tỉnh T

Người đại diện theo uỷ quyền của bà H: Ông Đ C K, sinh năm 1965 Địa chỉ: khu T, xã D, K, tỉnh T (chồng bà H);

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về trả nợ gốc, lãi: Hai bên thỏa thuận ông Đ C K và bà N T H có nghĩa vụ trả nợ cho ông N T K và bà N T G số tiền gốc, lãi tổng cộng là: 120.000.000đ (Một trăm mười triệu đồng). Phương thức trả nợ theo quý (ba tháng một lần), thời gian trả nợ

bắt đầu vào ngày 15 của tháng giữa mỗi quý cho đến khi hết khoản tiền trên. **Việc trả nợ cụ thể như sau:**

- **Lần 1:** Ngày 01/9/2023: Ông Đ C K , bà N T H có nghĩa vụ trả nợ cho ông N T K , bà N T G số tiền gốc, lãi là: 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng).

- **Lần 2:** Ngày 01/12/2023: Ông K , bà H có nghĩa vụ trả nợ cho ông K , bà G số tiền gốc, lãi là: 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng).

- **Lần 3:** Ngày 01/3/2024: Ông K , bà H có nghĩa vụ trả nợ cho ông K , bà G số tiền gốc, lãi là: 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng).

- **Lần 4:** Ngày 01/6/2024: Ông K , bà H có nghĩa vụ trả nợ cho ông K , bà G số tiền gốc, lãi là: 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng).

Sau mỗi quý khi khoản vay ông K , bà H phải trả cho ông K , bà G trong mỗi quý có hiệu lực nếu ông K , bà H không trả nợ cho ông K , bà G như đã thỏa thuận thì ông K , bà H còn phải trả lãi cho ông K , bà G tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả cho đến khi thi hành án xong. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên đương sự nhưng không vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 điều 468 của Bộ luật dân sự, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự.

2.2. Về án phí: Ông Đ C K , bà N T H xin chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 3.000.000đ (Ba triệu đồng).

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 26 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS huyện, tỉnh;
- Chi cục THA huyện;
- Lưu HS;
- Lưu VP.

THẨM PHÁN

Đỗ Thị Thảo

